



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**Đoàn giám sát theo Quyết định
số 06/QĐ-HĐT ngày 07/4/2023
của Hội đồng Trường**

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề về công tác tuyển sinh và đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2020 - 2022

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng Trường về Chương trình giám sát năm 2022, Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 07/4/2023 của Hội đồng Trường về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về công tác tuyển sinh và đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Vinh giai đoạn từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng

1.1. Phát triển chương trình đào tạo

Theo báo cáo tại thời điểm tiến hành giám sát, Nhà trường có 53 ngành đào tạo đại học chính quy thuộc 6 khối ngành (trong đó có 17 ngành đào tạo kỹ sư), 38 ngành đào tạo cao học thạc sĩ, 17 ngành đào tạo tiến sĩ; có 23 ngành đào tạo đại học vừa làm vừa học (VLVH), 16 ngành đào tạo đại học từ xa. Trong số các ngành đang được phép đào tạo, số ngành đưa vào danh mục tuyển sinh có xu hướng giảm, số ngành tuyển sinh với tỷ lệ thấp tăng lên ở cả bậc đại học và sau đại học. Trường có 04 chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao¹, chưa có CTĐT tiên tiến hoặc liên kết với nước ngoài. Trong giai đoạn 2020 - 2022, Trường đã mở thêm 02 ngành đào tạo đại học (Khoa học dữ liệu và thống kê, Kỹ thuật điện tử và tin học) và 01 ngành đào tạo thạc sĩ (Quản trị kinh doanh). Việc công khai các CTĐT trên website của Trường cơ bản được thực hiện theo quy định².

Trong giai đoạn 2020 - 2022, Nhà trường tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO. Trên cơ sở tổng kết đánh giá, Nhà trường cải tiến các CTĐT, đẩy mạnh hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) bên trong và kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục các CTĐT. Trường đã cơ bản hoàn thành hoạt động cải tiến CTĐT đại học vào năm 2021, từ năm 2022 tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Đến hết năm 2022 đã có 16 CTĐT đại học đạt tiêu chuẩn KĐCL giáo dục trong nước và 02 CTĐT đạt tiêu chuẩn KĐCL giáo dục của Mạng lưới ĐBCL các trường đại học ASEAN (AUN-QA)³, đạt tỷ lệ 33,96% số CTĐT đại học của Trường. Tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu KĐCL (điểm 4/7 trở lên) tăng dần (88% - 98%). Tất cả các CTĐT đại học đều có cải tiến phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu

¹ Sư phạm Toán, Sư phạm tiếng Anh (hệ tài năng), Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh.

² Trên website của Trường có các CTĐT đại học, 38/38 CTĐT thạc sĩ, có 4/17 CTĐT tiến sĩ.

³ Năm 2022, Nhà trường tập trung đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2, không đánh giá ngoài CTĐT.

cầu CTĐT tiếp cận năng lực (theo CDIO). Việc tăng cường xây dựng và khai thác học liệu số phục vụ đào tạo đã được triển khai thực hiện. Tỷ lệ số ngành đại học đang đào tạo từ 84,5 - 89,7%; cao học thạc sĩ từ 73,7 - 76,3%; nghiên cứu sinh tiến sĩ là 76,5%.

Bảng 1. Thông tin về CTĐT của Trường giai đoạn 2020 - 2022 (đến tháng 12/2022)⁴

Bậc	Năm	Số CTĐT			Ghi chú
		Đăng ký TS	Đã KĐCL	Đang ĐT	
Đại học	2020	58	8	49	Chính trị học có 2 c. ngành
	2021	51	10	52	(Có 4 CTĐT có hệ CLC)
	2022	45	0 ⁵	51	Tự đánh giá 07 CTĐT
Thạc sĩ	2020	38	0	28	Thi tuyển
	2021	38	0	29	Thi tuyển
	2022	36	0	28	Xét tuyển (không thi tuyển)
Tiến sĩ	2020	N/A	0	13	Xét tuyển
	2021	16	0	13	Xét tuyển
	2022	16	0	13	Xét tuyển

1.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường cơ bản đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học (Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT); Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ (Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT); Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT); Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Theo báo cáo tại thời điểm giám sát, Nhà trường có đội ngũ gồm 1.002 viên chức và người lao động, trong đó có 672 giảng viên (chiếm 67,07%) với 03 giáo sư, 51 phó giáo sư, 54 giảng viên cao cấp, 131 giảng viên chính, 321 tiến sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 47,77%; giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư đạt 8,04%; giảng viên chính trở lên đạt 27,53% trong tổng số giảng viên. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có đội ngũ thỉnh giảng với trình độ cao tham gia đào tạo, chủ yếu ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ. Cơ cấu tổ chức các đơn vị thực hiện công tác tuyển sinh và đào tạo đáp ứng các quy định.

⁴ Số liệu theo các Đề án tuyển sinh hàng năm được Nhà trường công bố.

⁵ Đầu năm 2023 đã KĐCL 07 CTĐT.

Nhìn chung, đội ngũ giảng viên của Nhà trường đều tâm huyết với hoạt động dạy học, hỗ trợ người học, có ý thức nêu gương trong chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Giai đoạn 2020 - 2022, với bối cảnh khó khăn chung do dịch bệnh, đội ngũ cán bộ, giảng viên đã nỗ lực vượt bậc trong việc thích ứng với yêu cầu công tác, giảng dạy, đồng thời liên tục đổi mới, cải tiến chương trình nhằm đáp ứng yêu cầu ĐBCL đào tạo.

1.3. Cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ tuyển sinh và đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động dạy học, thực hành - thí nghiệm, kiểm tra đánh giá,... cơ bản đáp ứng yêu cầu về đào tạo theo quy định. Nhà trường đã tích cực tìm kiếm, kết nối, khác thác nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ đào tạo như triển khai Dự án ODA của Chính phủ Hàn Quốc phát triển ngành Thú y; vận hành Trung tâm T-TEP hợp tác với TOYOTA Việt Nam trong đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.v.v...

Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động đào tạo đảm bảo kết nối Internet tại tất cả các cơ sở của Trường. Nhà trường có phần mềm online phục vụ tuyển sinh đại học hệ chính quy và tuyển sinh cao học thạc sĩ, được hỗ trợ bởi hệ thống phần mềm tuyển sinh và hệ thống quản lý dữ liệu giảng viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý và hỗ trợ đào tạo gồm có: 1) Hệ thống quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ (CMC cung cấp); 2) Hệ thống quản trị đại học thông minh Usmart (Trí Nam cung cấp); 3) Hệ thống dạy học trực tuyến e-Learning (Trường tự phát triển); 4) Hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu DOIT.

1.4. Nguồn học liệu phục vụ đào tạo

Nguồn học liệu (tài liệu, sách, giáo trình,...) cơ bản đáp ứng đủ cho hoạt động đào tạo ở các bậc, trình độ và hình thức đào tạo. Hàng năm, Nhà trường đầu tư bổ sung học liệu, tổ chức biên soạn và xuất bản sách, giáo trình phục vụ các CTĐT⁶. Trường đã ký kết hợp tác khai thác, hợp đồng thuê các nguồn học liệu điện tử phục vụ kịp thời cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Mức độ đáp ứng nguồn học liệu cho các ngành đào tạo được KĐCL ngày càng được cải thiện.

2. Quy mô, số lượng, chất lượng tuyển sinh và đào tạo

2.1. Tuyển sinh và đào tạo đại học

Trong giai đoạn 2020 - 2022, công tác tuyển sinh đại học của Trường đạt nhiều kết quả, có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh; có điều tra, khảo sát, phân tích dữ liệu tuyển sinh và từng bước cải tiến chất lượng. Số lượng và chất lượng tuyển sinh có xu hướng cải thiện ở một số chỉ số. Nhìn chung, công tác tuyển sinh và nhập học cơ bản được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đạt hiệu quả khá tốt. Số lượng người học được tuyển sinh khá lớn, nhất là với một số CTĐT của hệ VLVH.

⁶ Theo báo cáo, kinh phí đầu tư mua học liệu phục vụ đào tạo giai đoạn 2020 - 2022 là 1,315 tỷ đồng, với 8.309 cuốn sách/giáo trình; kinh phí biên soạn và xuất bản giáo trình là 1,582 tỷ đồng.

Bảng 2. Thông tin tuyển sinh đại học của Trường giai đoạn 2020 - 2022

Năm	Chỉ tiêu HĐT phê duyệt	Chỉ tiêu đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
2020	8.300 ⁷	6.029	72,6%
2021	10.627 ⁸	9.567	90%
2022	11.500 ⁹	7.151	62,2%
Tổng cộng	30.427	22.747	74,8%

Tỉ lệ nhập học/chỉ tiêu của các CTĐT đại học chính quy có tăng. Công tác giám sát việc tuyển sinh và nhập học cũng được thực hiện theo quy định với hầu hết các CTĐT. Trường cũng thường xuyên cải tiến để tăng cường tính phù hợp và hiệu quả của việc tuyển sinh và nhập học với các CTĐT các trình độ và loại hình khác nhau.

Tuyển sinh và đào tạo VLVH trình độ đại học tuy gặp khó khăn nhưng vẫn cơ bản hoàn thành kế hoạch hàng năm, chất lượng tuyển sinh tiếp tục được duy trì. Tổng tuyển sinh VLVH trong 3 năm (2020, 2021 và 2022) đạt 9.046 chỉ tiêu (chiếm tỷ lệ 29,73% tổng chỉ tiêu tuyển sinh¹⁰). Công tác đào tạo trình độ đại học hình thức VLVH tiếp tục có chuyển biến tốt và ngày càng đi vào nền nếp, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập chuyên môn nghiệp vụ của nguồn nhân lực xã hội.

Tuyển sinh và đào tạo từ xa trình độ đại học có sự hồi phục và phát triển nhanh, nhất là trong và sau giai đoạn dịch Covid-19. Số lượng, phạm vi địa bàn tuyển sinh tăng dần; CTĐT, hệ thống học liệu, đội ngũ hỗ trợ và hệ thống trạm đào tạo được phát triển, góp phần đảm bảo yêu cầu đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập. Công tác kết nối, phối hợp với các bên liên quan (đơn vị đào tạo, đối tác liên kết, người học,...) trong quản lý đào tạo khá tốt.

Nhà trường đã thường xuyên giám sát, tổ chức đánh giá tỷ lệ sinh viên (SV) tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp. Tỷ lệ SV xuất sắc dao động từ 3,5% (2020 - 2021) đến 4,8% (2022 - 2023). Tỷ lệ SV giỏi từ 15,75% (2020 - 2021) đến 19,8% (2022 - 2023). Tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp có tăng¹¹.

2.2. Tuyển sinh và đào tạo sau đại học

Công tác tuyển sinh và đào tạo sau đại học (trình độ thạc sĩ và tiến sĩ) đạt kết quả tốt. Chất lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo sau đại học được duy trì tương đối ổn định. Tỷ lệ thực hiện kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm bao gồm học viên cao học và nghiên cứu sinh tiến sĩ đạt ở mức cao (năm 2020 đạt 88,2%; năm 2021 đạt 97,7% và năm 2022 đạt 96,1%). Quy mô đào tạo sau đại học hàng năm được duy trì tương

⁷ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 08/01/2020 của Hội đồng trường về phê duyệt các chỉ tiêu thực hiện năm 2020.

⁸ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 31/12/2020 của Hội đồng trường về phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021.

⁹ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng trường về phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu năm 2022.

¹⁰ Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học được Hội đồng Trường phê duyệt trong 3 năm (2020, 2021, 2022) là 30.427 (theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 21/12/2020 của Hội đồng trường phê duyệt một số chỉ tiêu năm học 2020 - 2021; Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng Trường phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu năm 2022).

¹¹ Theo Báo cáo tự đánh giá KĐCL giáo dục của Trường: Tỷ lệ SV đại học tốt nghiệp đúng hạn: 66,5% (2020), 71,25% (2021); Cao học: khoảng 93%. Số SV tốt nghiệp giảm mạnh trong 3 năm (2020, 2021, 2022): 2.946/2.530/1.701. Thời gian tốt nghiệp trung bình khoảng 4,29 (hệ 4 năm), 5,15 (hệ 5 năm); với cao học trung bình 2,14/2 năm; nghiên cứu sinh 4,9/3 năm. Tỷ lệ có việc làm năm học 2020 - 2021 theo khối ngành: từ 77,9% đến 82,7%; năm học 2021 - 2022: không có thông tin; năm học 2022 - 2023: từ 88,2% đến 97,5%.

đổi ổn định. Quá trình đào tạo đã thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế, kịp thời thích ứng với điều kiện dịch bệnh, được tổ chức linh hoạt tạo thuận lợi cho người học. Một số CTĐT đã được phát triển theo định hướng nghiên cứu và/hoặc ứng dụng.

Bảng 3. Thông tin tuyển sinh sau đại học của Trường giai đoạn 2020 - 2022

<i>Năm</i>	<i>Chỉ tiêu HĐT phê duyệt</i>	<i>Chỉ tiêu đã thực hiện</i>	<i>Tỷ lệ thực hiện</i>
2020	1.180 (1.150CH+30NCS) ¹²	1.041 (1.019CH+22NCS)	88,2%
2021	1.187 (960CH+227NCS) ¹³	1.160 (1.146CH+14NCS)	97,7%
2022	980 (960CH+20NCS) ¹⁴	942 (910CH+32NCS)	96,1%
Tổng	3.347	3.143	93,9%

2.3. Việc xây dựng, ban hành, thực hiện các quy định, quy chế trong tuyển sinh và đào tạo

Trong giai đoạn 2020 - 2022, Nhà trường đã cơ bản thực hiện đúng và đầy đủ quy định, quy chế trong tuyển sinh và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, kịp thời cập nhật triển khai thực hiện các văn bản quy định mới¹⁵, xây dựng và ban hành mới 07 văn bản quy định về tuyển sinh và đào tạo. Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ đã có những cải tiến, từng bước khắc phục tồn tại, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Nhà trường đã xây dựng, ban hành các văn bản quy định nội bộ về tuyển sinh và đào tạo, phát triển CTĐT, xây dựng quy trình quản lý các hoạt động đào tạo¹⁶. Quy trình tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được triển khai ngày càng chặt chẽ, đúng quy định và quy trình, tạo thuận lợi tối đa cho người học.

Đặc biệt, Nhà trường đã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn, kịp thời có những giải pháp linh hoạt và hiệu quả về đào tạo và tuyển sinh trong điều kiện dịch Covid-19, góp phần quan trọng đảm bảo việc tuyển sinh và đào tạo không bị gián đoạn¹⁷.

Một số chủ trương, quy định về đào tạo đã thúc đẩy việc nâng cao chất lượng đào tạo các bậc học đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT như dạy học dự án gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, về công bố khoa học đối với nghiên cứu sinh, chính sách học bổng cho học viên cao học.v.v...

Nhà trường đã chú trọng công tác hỗ trợ người học: tăng cường đội ngũ trợ lý và cố vấn học tập, hỗ trợ đặc biệt cho SV xuất sắc, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV thuộc diện chính sách, SV khuyết tật¹⁸.

¹² Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 08/01/2020 của Hội đồng trường về phê duyệt các chỉ tiêu thực hiện năm 2020.

¹³ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 31/12/2020 của Hội đồng trường về phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021.

¹⁴ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng trường về phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu năm 2022.

¹⁵ Đã ban hành Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ (Quyết định số 655/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2022); Quy định đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ theo hình thức trực tuyến (Quyết định số 1320/QĐ-ĐHV ngày 28/5/2021); công bố các CTĐT.

¹⁶ Trong giai đoạn 2020 - 2022, Nhà trường đã xây dựng và ban hành 10 văn bản quy định/quy chế về tuyển sinh và đào tạo.

¹⁷ Trong giai đoạn 2020 - 2022, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo kịp thời thực hiện các giải pháp thích ứng với điều kiện dịch bệnh.

¹⁸ Tổng kinh phí chi trả chế độ, chính sách, hỗ trợ cho người học trong giai đoạn 2020 - 2022 là 40,759 tỷ đồng.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh ở một số ngành chưa cân đối giữa nhu cầu thực tiễn xã hội với năng lực đào tạo, việc tổ chức và hỗ trợ quảng bá tuyển sinh chưa thực sự hiệu quả. Kết quả tuyển sinh chưa đồng đều giữa các ngành, đạt tỷ lệ thấp ở một số ngành¹⁹ nên khó khăn trong công tác tổ chức dạy học và đảm bảo điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Chủ trương chi học bổng thu hút tuyển sinh nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, tạo nguồn SV giỏi chưa được thực hiện theo yêu cầu của Hội đồng Trường. Số lượng SV chưa đạt chuẩn ngoại ngữ chiếm tỷ lệ cao, làm giảm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Tỷ lệ SV nghỉ học còn tương đối cao²⁰.

- Công tác tuyển sinh VLVH ngày càng gặp nhiều khó khăn. Kết quả tuyển sinh chưa đồng đều giữa các ngành và các hình thức đào tạo²¹, nên các đơn vị đào tạo gặp khó khăn trong điều hành giảng dạy. Công tác tư vấn, quảng bá tuyển sinh chưa thật sự hiệu quả. Vẫn có những rủi ro trong hợp tác với các đối tác đào tạo ảnh hưởng đến lợi ích người học, có tồn tại hạn chế chậm được giải quyết²².

- Công tác đào tạo từ xa bằng hình thức trực tuyến còn một số khó khăn, hạn chế cần được cải thiện (xây dựng học liệu, triển khai thực hiện chương trình dạy học,...). Từ năm 2017 đến nay, Trường chưa có CTĐT từ xa được triển khai mới.

- Quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá kết quả học tập chậm được cải tiến, cập nhật kịp thời để phù hợp với việc phát triển CTĐT.

- Nhìn chung, cơ sở dữ liệu còn thiếu tính đồng bộ và thống nhất²³, hệ thống phần mềm trong quản lý và hỗ trợ đào tạo còn phân tán và chông chéo, tính tiện ích chậm được cải thiện, chưa bao quát hoạt động, mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số chưa cao.

- Học liệu chuyên sâu, đặc thù vẫn còn thiếu ở một số ngành đào tạo. Thư viện còn thiếu một số giáo trình, tài liệu bắt buộc và tham khảo trong các đề cương môn học chi tiết, chưa thường xuyên đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập²⁴. Mức độ chuyển đổi số của học liệu còn chưa cao. Trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ đào tạo của một số ngành kỹ thuật đã lạc hậu, hư hỏng.

- Việc thực hiện kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chưa hoàn thành, chưa mở mới ngành tiến sĩ, chưa có CTĐT tiên tiến²⁵, mức độ quốc tế hoá của các CTĐT còn thấp²⁶. Một số ngành mới mở nhưng tuyển sinh kém hiệu quả, rủi ro cao²⁷.

¹⁹ Tỷ lệ ngành tuyển sinh thấp hoặc không tuyển sinh được có xu hướng tăng.

²⁰ Trong KĐCL cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 (năm 2022): Tỷ lệ thôi học còn cao (20,2%).

²¹ Theo phụ lục gửi kèm theo báo cáo của Hiệu trưởng.

²² Rủi ro ở Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Bình được xử lý chậm; vừa làm vừa học ngành Báo chí chưa giải quyết dứt điểm dẫn đến chậm muộn trong cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

²³ Các số liệu trong Báo cáo khác nhau, vênh giữa các phần, nguồn dữ liệu khó tổng hợp và truy xuất, nhiều đầu mối, thiếu chuẩn hoá.

²⁴ Trong KĐCL cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 (năm 2022): Tiêu chí 7.4 không đạt, chủ yếu tồn tại ở học liệu với tỷ lệ đáp ứng đề cương chi tiết thấp.

²⁵ Một số nội dung trong Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 21/12/2020 của Hội đồng trường phê duyệt một số chỉ tiêu năm học 2020 - 2021 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng trường phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu năm 2022 vẫn chưa hoàn thành, cụ thể:

1) Mở ngành đại học: Dược học, Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Hệ thống nhúng và IoT, Luật Dân sự và tổ tụng dân sự, Luật hiến pháp và hành chính.

2) Mở ngành thạc sĩ: Luật Kinh tế, Ngôn ngữ Anh, Quản trị văn phòng, Quản trị trường học số.

3) Xây dựng CTĐT tiên tiến: Sư phạm Toán, Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh.

- Đội ngũ giảng viên trình độ tiến sĩ và phó giáo sư ở một số ngành còn ít, chậm đáp ứng điều kiện để mở các ngành mới. Tỷ lệ giảng viên còn thấp²⁸. Các văn bản quản lý nội bộ của Trường về đào tạo sau đại học còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ²⁹. Công tác quản lý người học, nhất là quản lý nghiên cứu sinh còn hạn chế. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chưa hoàn thành tiến độ theo kế hoạch.

- Trong số 25 CTĐT hình thức VLVH còn có 12 CTĐT chưa được KĐCL giáo dục³⁰ nên sẽ không đủ điều kiện liên kết đào tạo VLVH theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học (áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2024). Một số CTĐT từ xa (6/14 CTĐT) chưa được KĐCL giáo dục.

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cải tiến nhưng vẫn còn một số điểm yếu chung của các CTĐT trong việc phát triển chương trình, kiểm tra đánh giá người học theo chuẩn đầu ra, hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, cơ chế phản hồi (các tiêu chuẩn 3, 5, 10 và 11 tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học) vẫn còn chậm cải thiện³¹. Việc phát triển đề cương chi tiết các học phần (nhất là với bậc cao học thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiến sĩ) còn chậm cải tiến chất lượng³².

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Việc tổ chức thực hiện các hoạt động quảng bá và tư vấn tuyển sinh vẫn còn thiếu tính chuyên nghiệp và hiệu quả. Chính sách thu hút trong tuyển sinh chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả.

- Đầu vào của người học đa dạng³³, năng lực phát triển chương trình và triển khai thực hiện CTĐT của giảng viên chưa đồng đều. Hệ thống phần mềm quản lý đào

4) Xây dựng CTĐT chất lượng cao: Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Tài chính Ngân hàng, Du lịch.

²⁶ Mục tiêu trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045: “*Gia tăng số lượng chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết với nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài*”. Tuy nhiên, hiện chưa có CTĐT tiên tiến, số học phần sử dụng giáo trình/bài giảng quốc tế của các đại học uy tín nước ngoài, số học phần học bằng tiếng Anh, số SV trao đổi (đi và đến), số CTĐT và tin chỉ được công nhận với các đối tác nước ngoài, số giảng viên nước ngoài có uy tín tham gia đào tạo,... còn thấp hoặc chưa có.

²⁷ Một số ngành tạm dừng tuyển sinh: Thương mại điện tử, Kỹ thuật phần mềm, Du lịch, Khoa học dữ liệu và thống kê (năm 2022); Báo chí (năm 2021); Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (năm 2022).

²⁸ Số liệu tháng 9/2023 cho thấy, ở khối giáo dục đại học: giảng viên là 556/837, chiếm 66,4%, chỉ 55,16% trên tổng cán bộ; trong đó tiến sĩ: 311 (55,94%), giáo sư, phó giáo sư: 50 (9%).

²⁹ Việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ còn chậm được hoàn thiện.

³⁰ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: Từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu CTĐT đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành. Tại thời điểm giám sát (tháng 12/2022), các CTĐT hình thức VLVH chưa được KĐCL gồm có: Quản lý nhà nước, Quản lý văn hóa, GD Quốc phòng - an ninh, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế nông nghiệp, GD Chính trị, SP Sinh học, SP Tin học, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường, Công tác xã hội, Luật học. Các CTĐT hình thức từ xa chưa được KĐCL gồm có: Công tác xã hội, Việt Nam học, Quản lý nhà nước, Quản lý văn hóa, Luật học, Kinh tế xây dựng.

³¹ Trong KĐCL CTĐT, số lượt tiêu chí đạt 3/7 nhiều lần ở một số tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 3: 10/13; Tiêu chuẩn 5: 9/13; Tiêu chuẩn 11: 11/13; Tiêu chuẩn 10: 6/13.

³² Trong KĐCL cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 (năm 2022): Tiêu chí 14.3 không đạt chủ yếu do đề cương chi tiết học phần CTĐT cao học thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiến sĩ.

³³ Có nhiều ý kiến cho rằng chất lượng đầu vào của SV không cao, thời lượng dạy học trực tiếp giữa giảng viên - SV không nhiều,... là những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

tạo và quản lý hoạt động giảng dạy nói chung chưa đồng bộ, tính tiện ích chưa cao. Việc triển khai các CTĐT tạo từ xa tới các trường/khoa/viện chưa kịp thời, còn chậm trễ trong công tác xây dựng và phát triển chương trình, học liệu.

Việc đầu tư các nguồn lực để phát triển CTĐT bậc sau đại học còn chưa được quan tâm đúng mức. Nhà trường chưa quy định tỷ lệ chi trong cơ cấu chi cho hoạt động đào tạo³⁴, công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

- Công tác lập kế hoạch, xác định một số chỉ tiêu còn chưa sát với thực tiễn, việc giám sát thực hiện kế hoạch chưa kịp thời hiệu quả.

2.2. Nguyên nhân khách quan

- Nhu cầu về nhân lực của nền kinh tế thị trường và sự phân công lao động trong xã hội có sự biến động nhanh, làm thay đổi cơ cấu và quy mô tuyển sinh các hệ, bậc và các ngành đào tạo của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo thường tập trung vào một số ngành đào tạo cả hình thức chính quy, VLVH và từ xa.

- Sự cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học ngày càng mạnh mẽ.

- Điều kiện địa lý, kinh tế của khu vực Bắc Trung bộ có sức thu hút chưa cao.

- Hệ thống văn bản quản lý nhà nước có nhiều thay đổi, cập nhật, yêu cầu về phát triển CTĐT ngày càng cao.

- Việc phát triển đội ngũ trình độ cao cần nhiều thời gian và nguồn lực đầu tư, nên thường khó theo kịp với sự thay đổi của nhu cầu đào tạo.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Đảng ủy Trường

- Đảng ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đối với công tác công tác tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường; có các nghị quyết chuyên đề định hướng hoạt động tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường phù hợp với các chủ trương, nghị quyết mới của Đảng và Nhà nước, Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Đảng ủy cần chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 07/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường về phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030, qua đó kịp thời bổ sung nguồn nhân lực đủ trình độ theo yêu cầu ĐBCL các ngành/bậc đào tạo; sớm ban hành nghị quyết về chuyển đổi số để làm cơ sở thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong Nhà trường.

2. Đối với Hội đồng Trường

- Hội đồng Trường cần quan tâm đầu tư đảm bảo các nguồn lực để thực hiện các chủ trương, kế hoạch, chỉ tiêu về tuyển sinh và đào tạo; tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư thu hút tuyển sinh để nâng cao chất lượng đầu vào đại học chính quy, kết hợp chủ trương thu hút tạo nguồn cán bộ; ưu tiên bổ sung giảng viên cho các ngành/lĩnh vực đáp ứng yêu cầu ĐBCL và định hướng phát triển, nâng cao tỷ lệ giảng viên trong cơ cấu nhân lực.

- Xác định lĩnh vực/ngành đào tạo ưu tiên, ngành/chương trình tiên tiến, chất lượng cao/tài năng,... để có chủ trương đầu tư nguồn lực phù hợp, hiệu quả.

³⁴ Theo Báo cáo của Đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 (năm 2022). Tuy nhiên, hàng năm tỷ lệ chi cho chuyên môn nghiệp vụ đã được Hội đồng Trường phê duyệt trong các kế hoạch năm (2020, 2021, 2022).

- Tăng cường quan tâm và đầu tư nguồn lực để hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm, đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tiết kiệm nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý trong tuyển sinh và đào tạo; có các chính sách, giải pháp cải thiện chỉ số về tuyển sinh và đào tạo (số sinh viên nước ngoài, trao đổi sinh viên, giảng viên/chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy,...) đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và thực hiện mục tiêu xếp hạng đại học.

- Thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược, các nghị quyết của Hội đồng Trường về tuyển sinh và đào tạo, kịp thời có điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

3. Đối với Ban Giám hiệu Nhà trường

- Ban Giám hiệu Nhà trường cần tăng cường chỉ đạo thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng sau KĐCLGD, khắc phục các hạn chế đã được Đoàn đánh giá KĐCLGD chỉ ra ở cấp cơ sở giáo dục đại học và cấp CTĐT, đẩy nhanh việc KĐCL các CTĐT bậc sau đại học.

- Triển khai cụ thể hoá các mục tiêu chiến lược phát triển trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm, đề xuất chỉ tiêu một cách khoa học và hiệu quả hơn, sát với yêu cầu và năng lực thực tiễn để nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn trong công tác tuyển sinh và đào tạo của Trường. Khẩn trương hoàn thiện nội dung Quy chế đào tạo sau đại học theo quyết định đã ban hành, quy định và hướng dẫn về khảo thí.

- Rà soát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Trường đã ban hành có liên quan đến công tác mở ngành, tuyển sinh và đào tạo, thực hiện đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng Trường, có đề xuất điều chỉnh, bổ sung kịp thời nếu cần thiết.

- Đẩy nhanh việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức chi phí trong đào tạo ở các cấp học, bậc đào tạo để làm cơ sở xây dựng và phê duyệt các kế hoạch trong tuyển sinh và đào tạo. Thực hiện hiệu quả công tác tham mưu đầu tư mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị kịp thời phục vụ hoạt động đào tạo, tăng cường công tác giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng.

- Rà soát, điều chỉnh, quy định rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, công tác phối hợp của các đơn vị/bộ phận liên quan các hoạt động tuyển sinh và đào tạo của Trường. Trường cần xây dựng và ban hành được hệ thống KPIs trong tuyển sinh và đào tạo nhằm đánh giá hiệu quả công tác một cách khoa học, khách quan, minh bạch, tạo động lực cho viên chức và người lao động.

- Nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong việc mở ngành đào tạo, đa dạng hóa các hình thức đào tạo. Tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp trong việc tham gia đào tạo, thực hành, thực tập, việc làm sau tốt nghiệp của người học. Tăng cường công tác hỗ trợ và quản lý việc dạy và học.

- Trường cần có nghiên cứu đánh giá tương quan giữa chất lượng tuyển sinh, sự phù hợp của CTĐT với chất lượng đào tạo và kết quả đầu ra để có giải pháp cải tiến các phương thức, tiêu chí chọn lựa người học, phục vụ và hỗ trợ người học phù hợp hơn, từng bước cải tiến nâng cao chất lượng tuyển sinh cùng với việc đảm bảo số lượng người học.

- Nghiên cứu thành lập đơn vị/bộ phận chuyên trách, xây dựng đội ngũ làm công tác tuyển sinh chuyên nghiệp. Xây dựng chính sách về công tác tuyển sinh và đào tạo linh hoạt, hiệu quả và phù hợp theo từng giai đoạn. Đánh giá hiệu quả của việc phát triển, truyền thông và khai thác thương hiệu của Nhà trường hiện nay, triển khai nghiên cứu xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu của Nhà trường trong bối cảnh mới đáp ứng yêu cầu truyền thông và quảng bá.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc công khai đầy đủ, kịp thời thông tin về tuyển sinh, đào tạo và các nội dung liên quan theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quy chế dân chủ Trường Đại học Vinh.

4. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Để đáp ứng điều kiện ĐBCL cho các ngành đào tạo về đội ngũ, cần kịp thời xem xét, cho phép các cơ sở giáo dục đại học chủ động ký kết hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ với các giảng viên hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ quản lý về chỉ tiêu, số lượng đội ngũ người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước để các đơn vị linh hoạt trong bố trí, sử dụng và tạo nguồn cán bộ giảng viên. Vì thực tế để có giảng viên có chất lượng thì cần một quá trình thời gian tạo nguồn, đào tạo bồi dưỡng.


- Cần phê duyệt danh mục mã ngành thí điểm để các cơ sở giáo dục đại học có căn cứ mở các ngành đào tạo có nhu cầu xã hội nhưng chưa có trong danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Cần có cơ chế mở hơn đối với hoạt động xác định chỉ tiêu và xét tuyển, đảm bảo các trường không vượt năng lực về đảm bảo điều kiện ĐBCL, nhưng linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu trong phạm vi năng lực đào tạo cho phép.

- Cần xem xét tính khả thi trong một số quy định hiện hành: chuẩn đầu ra ngoại ngữ (B2) đối với học viên cao học; các đơn vị liên kết đào tạo phải KĐCL. Xem xét việc xử lý vi phạm do vượt chỉ tiêu tuyển sinh cho phù hợp hơn với thực tiễn hiện nay.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về công tác tuyển sinh và đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2020 - 2022./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu Nhà trường;
- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- Lưu: VP Đảng-HĐT-ĐT, HCTH. 

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



PGS. TS. Nguyễn Hoa Du